

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: DƯỢC LÝ HỌC LÂM SÀNG THÚ Y (Veterinary Clinical Pharmacology)**
 - Mã số học phần: NS253
 - Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
 - Số tiết học phần: 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành và 10 tiết tự học
- Đơn vị phụ trách học phần:**
 - Bộ môn: Bộ môn Thú Y
 - Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Nông nghiệp
- Điều kiện:**
 - Điều kiện tiên quyết: NN123, NN105
- Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	Kiến thức về sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh và chẩn đoán	2.2.1a
4.2	Khả năng sử dụng thuốc hợp lý, hiệu quả, an toàn và kinh tế	2.2.2a,b
4.3	Khả năng nghiên cứu chuyên môn, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và thuyết trình	2.2.2c,d
4.4	Trách nhiệm và chuẩn xác trong công tác điều trị bệnh cho vật nuôi	2.3

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	Trình bày được ý nghĩa của các thông số dược động học và những yếu tố ảnh hưởng đến các thông số dược động học	4.1	2.1.3a
CO2	Trình bày được các kiểu tương tác thuốc dược lực học và sự vận dụng tương tác thuốc có lợi trong điều trị	4.1	2.1.3a
CO3	Trình bày được các yếu tố sinh lý và bệnh lý của cơ thể vật nuôi đối với việc dùng thuốc	4.1	2.1.3a
CO4	Trình bày được cơ chế, tác dụng điều trị, tác dụng không mong muốn, độc hại của thuốc và cách áp dụng trong	4.1	2.1.3a

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
	phòng trị bệnh		
	Kỹ năng		
CO5	Phân tích nguyên nhân gây bệnh và các yếu tố dẫn đến bệnh	4.2	2.2.2a
CO6	Giải thích cơ chế tác động của các nhóm thuốc trong phòng trị bệnh cho vật nuôi	4.2	2.2.2b
CO7	Tự nghiên cứu và tổng hợp tài liệu chuyên ngành	4.2	2.2.2c
CO8	Hợp tác, thuyết trình trong việc giải quyết các vấn đề nghiên cứu	4.2	2.2.2d
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO9	Hình thành tính trách nhiệm và chuẩn xác trong công tác phòng trị bệnh cho vật nuôi	4.3	2.3
CO10	Duy trì việc cập nhật bổ sung kiến thức chuyên môn	4.3	2.3

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Dược lý lâm sàng thú y nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh, chẩn đoán cũng như đảm bảo việc sử dụng thuốc một cách hợp lý, hiệu quả, an toàn và kinh tế.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

7.1. Lý thuyết (30 tiết)

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Chương 1.	Tính chất dược động học của thuốc	4	
1.1.	Lĩnh vực nghiên cứu của dược động học	2	CO1, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
1.2.	Sự hấp thu thuốc và sinh khả dụng		
1.3.	Sự phân bố thuốc và thể tích phân bố		
1.4	Sự thải trừ thuốc và độ thanh thải trong thời gian bán thải		
1.5	Ý nghĩa thực tiễn của các thông số dược động học		
Chương 2.	Tương tác thuốc và ứng dụng trong điều trị	3	
2.1.	Tương tác thuốc dược động học	1	CO2, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
2.2.	Tương tác thuốc dược lực học	1	
2.3.	Các vấn đề ngăn ngừa trong tương tác thuốc bất lợi	1	
Chương 3.	Các yếu tố sinh lý và bệnh lý ảnh hưởng đến việc dung thuốc	2	
3.1	Các yếu tố sinh lý	1	CO3, CO6,

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
3.2	Các yếu tố bệnh lý	1	CO7, CO8, CO9, CO10
Chương 4.	Sử dụng thuốc kháng viêm không steroid	3	
4.1	Đại cương về quá trình viêm	1	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
4.2	Cơ chế tác động của thuốc kháng viêm không steroid		
4.3	Phân loại thuốc kháng viêm không steroid	2	CO10
4.4	Những hạn chế của thuốc kháng viêm không steroid		
Chương 5.	Sử dụng thuốc giảm đau	2	
5.1	Đại cương về sự đau và giảm đau	1	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
5.2	Phân loại thuốc giảm đau	1	
5.3	Sử dụng thuốc giảm đau trong điều trị và những điều cần lưu ý khi sử dụng	1	
Chương 6.	Sử dụng thuốc an thần	2	
6.1	Vai trò của giấc ngủ và nguyên nhân gây mất ngủ	1	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
6.2	Điều trị mất ngủ		
6.3	Các thuốc an thần gây ngủ và những điều cần lưu ý khi sử dụng	1	
Chương 7.	Sử dụng thuốc kháng histamin	2	
7.1	Histamin và dị ứng	1	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
7.2	Cơ chế tác động của thuốc kháng histamin		
7.3	Phân loại thuốc kháng histamin và những điều cần lưu ý khi sử dụng	1	
Chương 8.	Sử dụng thuốc trị hội chứng ruột kích thích	2	
8.1	Hội chứng ruột kích thích	1	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
8.2	Các thuốc dùng trong hội chứng ruột kích thích	1	

7.2. Thực hành (20 tiết)

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Bài 1.	Khảo sát tác dụng độc hại của thuốc	4	CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
Bài 2.	Khảo sát tương kỵ sinh lý của của hai loại thuốc	4	CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
Bài 3.	Khảo sát tương kỵ hóa học của của hai loại thuốc	4	CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
Bài 4.	Khảo sát tác động hiệp lực của của hai loại thuốc	4	CO3, CO4, CO5, CO8, CO9

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Bài 5.	Thực hành thiết lập phác đồ điều trị bệnh	4	CO3, CO4, CO5, CO8, CO9

8. Phương pháp giảng dạy:

- Giảng dạy lý thuyết các khái niệm, đại cương và cơ chế tác dụng của các nhóm thuốc ở các chương bài học.
- Chia nhóm báo cáo chuyên đề về các nội dung từ chương 1 đến chương 8.
- Phối hợp lý thuyết, tình huống, báo cáo, thảo luận.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện và tham dự đầy đủ 100% các buổi báo cáo chuyên đề và được đánh giá kết quả thực hiện theo nhóm.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CDR HP
1	Điểm chuyên cần	- Tham dự ít nhất 16/30 tiết - Đi học đúng giờ và đủ tiết/buổi	5%	CO9, CO10
2	Điểm thực hành	- Tham dự 100% giờ thực hành - Đi học đúng giờ và đủ tiết/buổi	5%	CO9, CO10
3	Điểm bài báo cáo chuyên đề nhóm	- Tham dự đầy đủ các buổi báo cáo - Báo cáo đúng theo yêu cầu và đầy đủ nội dung - Được nhóm xác nhận có tham gia	20%	CO7, CO8, CO9, CO10
4	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Báo cáo đúng kết quả và thời hạn quy định - Tham gia 100% số giờ	10%	CO6, CO7, CO8
5	Điểm kiểm tra cuối kỳ	- Thi trắc nghiệm (60 phút)	60%	CO1, CO2, CO3, CO4

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Dược lý học lâm sàng / Đào Văn Phan. – Hà Nội: Nxb. Y Học, 2005.	
[2] Dược lý học lâm sàng / Nguyễn Hữu Đức. – Thành Phố Hồ Chí Minh: Nxb. Y Học TP. Hồ Chí Minh, 2008.	
[3] Giáo trình Dược lý học thú y / Phạm Khắc Hiếu. - Hà Nội : Giáo dục, 2009 Số thứ tự trên kệ sách: 636.08951/ H309	NN.015254 120323
[4] Giáo trình Dược lý thú y / Huỳnh Kim Diệu. - Cần Thơ : Nxb. Đại học Cần Thơ, 2012 Số thứ tự trên kệ sách: 636.08957/ D309	NN.016052 173123
[5] Dược động học lâm sàng / Trần Thị Thu Hằng. – Thành Phố Hồ Chí Minh: Nxb. Phương Đông, 2014.	
[6] Dược lực học / Trần Thị Thu Hằng. – Thành Phố Hồ Chí Minh: Nxb. Phương Đông, 2014.	
[7] Dược lý học thú y / Võ Thị Trà An. - Thành Phố Hồ Chí Minh: Nxb. Phương Đông, 2018.	
[8] Veterinary pharmacology and therapeutics / Edited by H. Richard Adams. - Ames : Iowa State University Press, 2001 Số thứ tự trên kệ sách: 636.08957/ V586	NN000493 48247 AV.001459 102653 TTHLTài liệu nghe nhìn Tầng 3
[9] Plumb's veterinary drug handbook / Donald C. Plumb. - Stockholm, Wis., Ames, Iowa : PharmaVet, Distributed by Blackwell Pub., 2008, 2008 Số thứ tự trên kệ sách: 636.089/ P734	MON.034508 151635 TTHLTài liệu đọc Tầng 3

12. Hướng dẫn sinh viên tự học (15 tiết):

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1-10	Tất cả các chương lý thuyết từ chương 1 đến chương 8	20		Trước từng buổi học, nghiên cứu trước: + Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6], nội dung có liên quan từng chủ đề sắp học + Mở rộng kiến thức qua thông tin tạp chí và internet nội dung có liên quan chủ đề sắp học + Làm việc nhóm
11-15	Tất cả các bài thực hành từ bài 1 đến bài 5		20	Nghiên cứu giáo trình thực tập trước cho từng buổi thực tập

Cần Thơ, ngày 28 tháng 5 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Lê Văn Vàng

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Trần Ngọc Bích